

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày 07 - 9 - 2020  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ Y VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chiêu và ông Nguyễn Văn Học

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện P, Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐ-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020, số: 18/2020/QĐ-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Y. Địa chỉ: Số 41&45 đường D, phường N, quận 1, Thành phố K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn V – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Kiên Q – Giám đốc Bán lẻ phòng giao dịch C

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Duy V – Cán bộ Ngân hàng. (có mặt)

\* *Bị đơn:* Ông Đỗ Hữu Y, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Cụm 8, xã K, huyện P, Thành phố H

\* *Người có quyền lợi, Y vụ liên quan:*

Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1947.

Chị Đỗ Thị P, sinh năm 2001.

Người đại diện theo ủy quyền bà C và chị P: Ông Đỗ Hữu Y

Cháu Đỗ Tú C, sinh ngày 27/12/2002.

Cháu Đỗ Hữu Duy G, sinh ngày 08/7/2009.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Tú C và cháu Đỗ Hữu Duy G: Ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G (là bố, mẹ đẻ)

Cùng địa chỉ: Cụm 8, xã K, huyện P, Thành phố H

Bị đơn và người có quyền lợi, Y vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng thương mại cổ phần Y (viết tắt là P) trình bày: Ngày 23/04/2019, ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G đã ký Hợp đồng tín dụng số 032058/2019/HĐTD-P-CN với P để vay vốn, với nội dung: Số tiền vay: 400.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất tại thời điểm vay: 10,68%/năm trong 12 tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 24/04/2020. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Việc giải ngân được thực hiện thông qua Khế ước nhận nợ số 0032058.01/2019/KUNN-P ngày 24/04/2019. Trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc cho P theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 của tháng. Số tiền trả đều mỗi kỳ từ kỳ thứ nhất đến kỳ thứ 59 là 6.667.000đồng, số tiền trả kỳ cuối là 6.647.000đồng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/5/2019. Trả nợ lãi: Bên vay trả tiền lãi cho P theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 của tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/5/2019

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 573a, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Xã K, huyện P, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 163527, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00118 do UBND huyện P, Thành phố H cấp ngày 09/12/2009 cho ông Đỗ Hữu Y.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y bà G đã trả cho P số tiền: nợ gốc: 100.005.000 đồng, lãi trong hạn: 49.606.936 đồng, lãi quá hạn: 976.196 đồng.

Đến kỳ trả nợ gốc và lãi tháng 03/2020, ông Y bà G không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, đã vi phạm Y vụ trả nợ nên P đã đơn P chấm dứt hợp đồng theo điều khoản mà các bên đã thỏa thuận khi giao kết. Ngày 01/4/2020, P làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Y bà G trả toàn bộ dư nợ còn lại của hợp đồng và tiền lãi chưa trả. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Y bà G đã trả tiền gốc và lãi vi phạm cho P. Tính đến ngày 24/8/2020 ông Y bà G còn nợ P số tiền gốc: 297.989.983 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 2.376 đồng, tổng cộng: 297.992.359 đồng.

Tại phiên tòa, P yêu cầu ông Y bà G phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi là 297.992.359 đồng. Kể từ ngày 25/8/2020, ông Y bà G phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh

trên dư nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp ông Y bà G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Y vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì P yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu nợ.

\* Bị đơn là ông Đỗ Hữu Y trình bày: Ngày 23/04/2019, ông và vợ là bà Nguyễn Thị G ký Hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản bảo đảm với P đúng như P đã trình bày ở trên. Ngày 24/4/2019, vợ chồng ông đã được P giải ngân theo đúng Khế ước nhận nợ.

Quá trình vay, vợ chồng ông đã trả được tiền gốc và lãi như P đã trình bày ở trên. Đến kỳ trả tiền gốc và tiền lãi tháng 3/2020, do làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông không trả được cho P. P đơn P chấm dứt hợp đồng tín dụng và khởi kiện. Về yêu cầu khởi kiện của P: P vi phạm Y vụ, làm đơn khởi kiện trước khi thông báo cho ông. Sau khi Tòa án báo gọi đến giải quyết, ông đã trực tiếp làm việc với Giám đốc P. Ông đã trả gần hết số tiền gốc và lãi của kỳ quá hạn nG P không rút đơn khởi kiện. P yêu cầu vợ chồng ông phải trả toàn bộ số tiền dư nợ còn lại, vợ chồng ông không đồng ý vì thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng, chưa đến ngày phải đáo hạn nợ.

Bà Nguyễn Thị G (vợ ông Y) đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nG đều không có mặt để giải quyết vụ án.

\* Người có quyền lợi Y vụ liên quan là bà Đỗ Thị C, chị Đỗ Thị P đều là người đang sinh sống trên nhà đất thế chấp và đã ủy quyền cho ông Y.

Tại phiên tòa, P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Y bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nG vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P. Buộc ông Y bà G phải trả P số tiền 297.992.359 đồng tính đến ngày 24/8/2020. Về án phí: Buộc ông Y bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: P khởi kiện đối với ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G vi phạm Y vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Ông Y, bà G đều có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện P. Tòa án xác định quan hệ khi giải quyết vụ án là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện đòi nợ của P: Ngày 23/04/2019, P với ông Y bà G ký kết Hợp đồng tín dụng số 032058/2019/HĐTD-P-CN để vay số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất: 10,68%/năm trong 12 tháng. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào

ngày 24/04/2020. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ông Y bà G đã nhận đủ số tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y bà G đã trả cho P số tiền: nợ gốc: 100.005.000 đồng, lãi trong hạn: 49.606.936 đồng, lãi quá hạn: 976.196 đồng.

Đến kỳ trả nợ tiền gốc và lãi tháng 03/2020, ông Y bà G không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, đã vi phạm Y vụ trả nợ nên P đã đơn P chấm dứt hợp đồng theo điều khoản mà các bên đã thỏa thuận khi giao kết. Ngày 01/4/2020, P làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Y bà G trả toàn bộ dư nợ còn lại của hợp đồng và tiền lãi chưa trả. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Y bà G đã trả tiền gốc và lãi vi phạm cho P. Tính đến ngày 24/8/2020, ông Y bà G còn nợ P số tiền gốc: 297.989.983 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 2.376 đồng, tổng cộng: 297.992.359 đồng.

P yêu cầu ông Y bà G phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi là 297.992.359 đồng. Kể từ ngày 25/8/2020, ông Y bà G phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa các bên được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với quy tại Điều 117 và Điều 118 của Bộ luật dân sự. Lãi suất trong hạn và quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y và bà G vi phạm Y vụ trả nợ nên P đơn P chấm dứt hợp đồng và khởi kiện buộc ông Y, bà G phải trả P toàn bộ dư nợ còn lại, tính đến ngày 24/8/2020, tiền nợ gốc: 297.989.983 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 2.376 đồng, tổng cộng: 297.992.359 đồng là có căn cứ. Đối với yêu cầu của P về lãi phát sinh tính từ ngày 25/8/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của P: Ông Y và bà G đã thế chấp quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất tại thửa đất số 573a, tờ bản đồ số 8, xã K, huyện P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 163527, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00118 do UBND huyện P, Thành phố H cấp ngày 09/12/2009 mang tên ông Đỗ Hữu Y để đảm bảo cho khoản vay. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hà Đông ngày 23/4/2019. Hợp đồng thế chấp tài sản được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi dân sự; các điều khoản của Hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 320, 323 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của C Phủ về giao dịch bảo đảm. Như vậy, P yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Y bà G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P nên ông Y và bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 320, 323, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 30, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Y (P) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G.

1.1. Buộc ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G phải trả nợ cho P tính đến ngày 24/8/2020 số tiền nợ gốc: 297.989.983 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.376 đồng, tổng cộng: 297.992.359 đồng (hai trăm chín bảy triệu chín trăm chín hai nghìn ba trăm năm chín đồng).

1.2. Kể từ ngày 25/8/2020, ông Y và bà G phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc, theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 032058/2019/HĐTD-P-CN ngày 23/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc.

1.3. Trường hợp ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho P số tiền nợ trên thì P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 573a, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại xã K, huyện P, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 163527, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00118 do UBND huyện P, Thành phố H cấp ngày 09/12/2009 mang tên ông Đỗ Hữu Y.

2. Về án phí: Ông Đỗ Hữu Y và bà Nguyễn Thị G phải chịu 14.899.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.562.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003119 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- CCTHADS huyện P;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Hiếu**

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Hiếu**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- CCTHADS huyện P;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Hiếu**